TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HCM**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1118/2018/KDTM-PT
Ngày: 26/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HCM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Hồng Ân**

Bà Vũ Thị Thu Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố HCM

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Khanh – Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 tháng 10 năm 2018 và ngày 26 tháng 11 năm 2018 , tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố HCM, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố HCM, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/KDTM-PT ngày 02/7/2018 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố HCM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4151/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8075/QĐ-PT ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Hồng T

Địa chỉ: B2-52 KCN TĐH B, phường TĐH. Thị xã Dĩ A, B.D

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H – sinh năm 1982; Nguyễn Thanh Quang – sinh năm 1993 (Giấy ủy quyền ngày 03/10/2018); Tô Kiều Thụy Thu T – sinh năm 1970 (bà T được Nguyên đơn ủy quyền tham dự phiên tòa ngày 26/11/2018 - theo Giấy ủy quyền ngày 07/11/2018)

Địa chỉ: Công ty Luật SB L, Lầu 8, Tòa nhà PDD, số 162 Đường P, phường BN, Quận 1, Thành phố HCM

2. Bị đơn: Tổng Công ty K. V.N– Công ty CP

Địa chỉ: Tòa nhà Gas Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu T, ấp 5, xã Phước K, Nhà B, Thành phố HCM

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Phước K- sinh 1969 (Giấy ủy quyền số 125/UQ-KVN ngày 22/5/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Minh L – Luật sư thuộc đoàn luật sư Thành Phố HCM

3. Người kháng cáo: **Tổng công ty K. V.N– Công ty CP**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc đươc tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Hồng T trình bày:

Ngày 11/6/2009, Công ty Cổ phần Hồng T (viết tắt là Công ty Hồng T – nguyên đơn) và Tổng Công ty K. V.N– Công ty Cổ phần (viết tắt là Công ty K. – bị đơn) đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 30/2009/DAK-Hồng T về việc cung cấp vật tư, thiết bị dự án đường ống dẫn K. Phú Mỹ - Thành phố HCM với tổng giá trị Hợp đồng là 545.358,80 USD (nhà thầu chính của dự án đường ống dẫn K. Phú Mỹ là Công ty Nacap Asia Pacific Sdn Bhd)

Sau đó Công ty NaCap rút khỏi dự án này và vào ngày 08/7/2009, Công ty Nacap, Công ty Hồng T và Công ty K. đã ký kết biên bản thỏa thuận: Công ty K. sẽ thanh toán cho Công ty Hồng T 600.000 USD không bao gồm VAT và được thanh toán làm 2 lần như sau:

Lần thứ nhất: Thanh toán 104.219,27USD, không bao gồm VAT trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty K. chấp thuận các văn bản gồm:

1. Bản vẽ thi công (bản vẽ thể hiện các chỉnh sửa từ các bản vẽ trước) của công trình được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008;

2. Bản gốc hoặc bản sao y của các Giấy chứng nhận vật liệu được cung cấp cho đến ngày 13/5/2009

3. Hóa đơn thương mại theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Lần thứ hai: Thực hiện theo các điều khoản và điều kiện nêu trong Hợp đồng số 30/2009/DAK-Hồng T ngày 11/6/2009

Thực hiện theo thỏa thuận nêu trên, ngày 15/01/2010, Công ty Hồng T đã bàn giao cho Công ty K. :

- Bản vẽ thi công (bản vẽ thể hiện các chỉnh sửa từ các bản vẽ trước) của công trình được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008;

- Bản gốc hoặc bản sao y của các Giấy chứng nhận vật liệu được cung cấp cho đến ngày 13/5/2009;

- Hóa đơn thương mại theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Công ty K. cũng đã thanh toán cho Công ty Hồng T toàn bộ số tiền phải thanh toán lần thứ 2. Tuy nhiên, Công ty K. chưa thanh toán cho Công ty Hồng T số tiền 104.219,27 USD.

Ngày 21/6/2012, Công ty Hồng T xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 000549 với số tiền 2.400.586.665 đồng. Nhân viên Hồng T có giao Hóa đơn này cho Công ty K. nhưng bị từ chối.

Do Công ty K. không thanh toán khoản tiền nói trên, vì vậy, Công ty Hồng T khởi kiện yêu cầu Công ty K. thanh toán các khoản tiền sau:

- Khoản tiền còn nợ là 104.219,27 USD tương đương 2.400.586.655 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/7/2012 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tổng Công ty K. V.N– Công ty Cổ phần trình bày:

Công ty K. không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì theo Thỏa thuận giải quyết nợ ngày 08/7/2009, Công ty K. V.N sẽ thay mặt nhà thầu NaCap thanh toán cho Công ty Hồng T số tiền 104.219,27USD, không bao gồm VAT trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty K. chấp thuận các văn bản gồm:

1. Bản vẽ hoàn công của công trình được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008;

2. Bản gốc hoặc bản sao y của các Giấy chứng nhận vật liệu được cung cấp cho đến ngày 13/5/2009

3. Hóa đơn thương mại theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Tuy nhiên, cho đến nay Công ty K. chưa nhận được các tài liệu nêu trên nên Công ty K. không đồng ý thanh toán số tiền nêu trên.

Tại bản án số 08/2018/KDTM-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố HCM đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Cổ phần Hồng T về việc yêu cầu Tổng Công ty K. V.N– Công ty Cổ phần thanh toán số tiền 4.272.489.128 đồng, bao gồm nợ gốc: 104.219,27 USD tương đương 2.400.586.665 đồng và nợ lãi: 1.871.902.463 đồng (tính từ ngày 24/7/2012 cho đến ngày 10/5/2018)

Thời hạn thanh toán: Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/5/2018, bị đơn Tổng Công ty K. V.N– Công ty Cổ phần kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 08/2018/KDTM-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện NB, Thành phố HCM

Tại phiên Toà phúc thẩm:

Ông Lê Phước K- đại diện bị đơn kháng cáo yêu cầu tòa không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì căn cứ bản thoản thuận giải quyết

nợ ngày 08/7/2009, tại điểm a Điều 4: Công ty (là bị đơn) thay mặt Nhà thầu sẽ thanh toán cho Nhà cung cấp (là nguyên đơn) số tiền được nêu trong Điều 2 của thoản thuận này cho các đợt thanh toán như sau:

a. Thanh toán đợt 1: 104.219,27 USD, không bao gồm thuế GTGT được thực hiện trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày công ty nhận được các chứng từ như sau:

- Bản vẽ hoàn công của công trình thực hiện đến ngày 13/5/2008

- Bản gốc hoặc bản sao y của giấy chứng nhận vật liệu cung cấp đến ngày 13/5/2009;

- Hóa đơn thương mại theo yêu cầu cơ quan thuế. Nhưng có đến thời điểm này Nguyên đơn chưa giao đầy đủ các chứng từ nêu trên.

Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày và bản dịch thuật của nguyên đơn nộp cho rằng cụm từ "the as-built drawings drawings (red lined) - trong bản tiếng Anh là "Bản vẽ thi công (bản vẽ thể hiện các chỉnh sửa từ các bản vẽ trước)" là dịch không đúng. Bởi lẽ: Theo văn bản quy định tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 9256:2012) về việc lập hồ sơ kỹ thuật – từ vựng- thuật ngữ liên quan đến bản vẽ kỹ thuật. Thuật ngữ chung và các loại bản vẽ thì: "The as-built drawings" là bản vẽ hoàn công. Như vậy, căn cứ vào bản thỏa thuận nêu trên thì bị đơn chưa có nghĩa vụ phải thanh toán tiền cho nguyên đơn. Để cho Tòa án có căn cứ xét xử, bị đơn yêu cầu tòa cho trưng cầu dịch thuật lại bản tiếng Anh sang tiếng Việt, nội dung như thế nào bị đơn sẽ thực hiện.

Ông Nguyễn Tiến H và ông Nguyễn Thanh Quang H và bà Tô Kiều Thụy Thu T - đại diện nguyên đơn cho rằng Căn cứ vào bản tiếng Anh dich sang tiếng Việt của Nguyên đơn xuất trình. Tại điểm a Điều 4 của Bản thỏa thuận giải quyết nợ ngày 08/7/2009 thì bị đơn thay mặt công ty Nacap Asia Pacific Sdn Bhd thanh toán cho nguyên đơn số tiền 600.000,00 USD theo kế hoạch thanh toán:

Lần thanh toán thứ nhất: 104.219,27 USD không bao gồm thuế VAT sẽ được thực hiện trong vòng 15 ngày Công ty chấp thuận các văn bản sau:

- Bản vẽ thi công (bản vẽ thể hiện các chỉnh sửa từ các bản vẽ trước) của công trình được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008; bản gốc hoặc sao y của các giấy chứng nhận về vật liệu được cung cấp cho đến ngày 13/5/2009; Hóa đơn thương mại theo yêu cầu của cơ quan thuế. Nguyên đơn đã giao toàn bộ các chứng từ nêu trên nhưng bị đơn cố tình không nhận để chối bỏ nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết mà các bên đã ký kết. Nên yêu cầu tòa không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm. Đối với lần thanh toán thứ hai: hai bên đã thực hiện xong theo các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng số 30/2009/DAK-Hồng T ngày 11/6/2009 mà giữa nguyên đơn và bị đơn trực tiếp ký hợp đồng mua bán với nhau.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu:

Căn vào bản dịch thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt của Tòa án nhân dân Thành phố HCM trưng cầu thì tại điểm a Điều 4 của bản Thỏa thuận thanh toán

nợ ngày 08/7/2009: Công ty (là bị đơn) thay mặt nhà thầu (Công ty Nacap Asia Pacifie Sdn Bhd) sẽ trả cho nhà cung cấp (là nguyên đơn) số tiền nêu ở Điều 2, với tiến độ chi trả như sau: Đợt 1: Thanh toán 104.219,27 USD chưa bao gồm VAT trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công ty phê duyệt các tài liệu:

- Bản vẽ hoàn công (có đánh dấu những thay đổi diễn ra trong quá trình thi công) của các công trình đã được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008; Bản gốc hoặc bản sao giấy chứng nhận của các loại vật liệu được cung cấp cho đến ngày 13/5/2009; Hóa đơn thương mại của cơ quan thuế. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 104.219,27 USD và tiền lãi là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM phát biểu – đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình một số chứng cứ mới, để làm rõ các công việc mà nguyên đơn đã thực hiện nên cần hủy án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty Cổ phần Hồng T ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thanh Quang và bà Tô Kiều Thụy Thu T theo Giấy ủy quyền ngày 03/10/2018 và Giấy ủy quyền ngày 07/11/2018; Tổng công ty K. V.N– Công ty Cổ phần ủy quyền cho ông Lê Phước K theo Giấy ủy quyền số 125/UQ-KVN ngày 22/5/2018 là phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty K. Việt Nam- Công ty Cổ phần yêu cầu tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Hồng T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn xuất trình bản dịch thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt có chứng thực của Phòng tư pháp Quận 1, Thành phố HCM. Tại điểm a Điều 4 Bản thỏa thuận giải quyết nợ ngày 08/7/2009 thì bị đơn thay mặt nhà thầu sẽ thanh toán cho nguyên số tiền được nêu trong Điều 2 của bản thỏa thuận làm 02 đợt; Đợt1: Thanh toán 104.219,27 USD không bao gồm thuế GTGT được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Công ty nhận được các chứng từ như: Bản vẽ hoàn công (gạch đỏ) của công trình thực hiện đến ngày 13/5/2008; Bản gốc hoặc bản sao y giấy chứng nhận vật liệu cung cấp đến ngày 13/5/2009 và Hóa đơn thương mại theo yêu cầu của cơ quan thuế. Ngược lại, đại diện nguyên đơn cho rằng theo bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt có chứng thực tại Phòng tư pháp Quận 1, Thành phố HCM của nguyên đơn

thì bị đơn sẽ thay mặt Công ty Nacap Asia Pacific Sdn Bhd trả cho nguyên đơn số tiền 600.000USD làm 02 đợt; Đợt 1: Thanh toán 104.219,27 USD với các điều kiện như nguyên đơn phải giao cho bị đơn bản vẽ thi công (bản vẽ thể hiện các chỉnh sửa từ các bản vẽ trước) của công trình được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008; Bản gốc hoặc bản sao y của các Giấy chứng nhận vật liệu được cung cấp cho đến ngày 13/5/2009; Hóa đơn thương mại theo yêu cầu của cơ quan thuế. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Theo nguyên đơn thì căn cứ vào Bản Thoản thuận giải quyết nợ ngày 08/7/2009 (từ tiếng Anh sang tiếng Việt) để khởi kiện bị đơn đòi số tiền thanh toán đợt 1 là 104.219,27 USD, vì nguyên đơn đã thực hiện đúng các điều kiện tại điểm a Điều 4; bị đơn cho rằng nguyên đơn không thực hiện đúng các điều kiện được quy định tại mục 1 đểm a Điều 4 là nguyên đơn phải giao bản vẽ hoàn công, không phải bản vẽ thi công. Do vậy, để có cơ sở giải quyết việc kiện đúng pháp luật, Tòa án đã cho trưng cầu dịch thuật bản tiếng Anh sang tiếng Việt. Tại bản dịch thuật sang tiếng Việt ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Phòng Công chứng số 1- Sở Tư pháp Thành phố HCM thì tại mục 1 điểm a Điều 4 bản Thỏa thuận thanh toán công nợ ngày 08/7/2009 là Bản vẽ hoàn công (có đánh dấu những thay đổi diễn ra trong quá trình thi công) của các công trình đã được thực hiện cho đến ngày 13/5/2008… . Điều này cho thấy, bản dịch thuật của nguyên đơn không chính xác, dẫn đến việc nguyên đơn chưa thực hiện đúng các điều khoản quy định tại điểm a Điều 4 của bản thỏa thuận thanh toán nợ ngày 08/7/2009, hơn nữa số tiền thanh toán đợt 1 là 104.219,27 USD là bị đơn thay mặt nhà thầu Công ty Nacap Asia Pacific Sdn Bhd sẽ trả cho nhà cung cấp, thực tế bị đơn không có ký kết hợp đồng mua bán, thi công với nguyên đơn, do vậy việc bị đơn sẽ thay mặt Nacap trả tiền cho nguyên đơn là có điều kiện nên nguyên đơn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà hai bên đã ký kết, nhưng nguyên đơn chưa giao đầy đủ các văn bản nêu như Bản vẽ hoàn công.... nên với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ cần phải xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào điểm a Điều 4 bản Thỏa thuận giải quyết nợ ngày 08/7/2009 để khởi kiện bị đơn phải thanh toán số tiền đợt 1 là 104.219,27 USD, như hội đồng xét xử nhận định, căn cứ vào bản dịch thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt của Tòa án trưng cầu dich thuật thì tại mục 1 điểm a Điều 4 của Bản thoản thuận thanh toán nợ ngày 08/7/2009 là Bản vẽ hoàn công …., Việc bị đơn và nguyên đơn ký kết bản thỏa thuận thanh toán nợ ngày 08/7/2009 là có điều kiện nhưng nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ các điều kiện quy định tại mục 1 điểm a Điều 4 nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với khoản nợ gốc là 104.219,27 USD tương đương 2.400.586.665 đồng nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn tính từ ngày 24/7/2012 đến ngày 10/5/2018 là 1.871.902.463 đồng.

[6] Về khoản tiền thanh toán đợt 2, nguyên đơn và bị đơn xác nhận hai bên đã thực hiện xong theo hợp đồng số 30/2009/DAK-Hồng T ngày 11/6/2009, không yêu cầu giải quyết nên tòa không xét.

[7] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là không có cơ sở chấp nhận, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo

của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Những nội dung khác đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[9] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí là 112.272.489 đồng

[10] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty K. V.N– công ty cổ phần nên không phải chịu án phí, được hoàn lại 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổi sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bán thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty K. V.N– Công ty cổ phần.

2. Sửa bản ản án sơ thẩm.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Cổ phần Hồng T về việc yêu cầu Tổng công ty K. V.N– Công ty cổ phần trả số tiền 4.272.489.128 (bốn tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn một trăm hai mươi tám) đồng, gồm 104.219,27 USD tương đương 2.400.586.665 (hai tỷ bốn trăm triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi lăm) đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/7/2012 đến ngày 10/5/2018 là 1.871.902.463 (một tỷ tám trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mươi ba) đồng

4. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Hồng T phải chịu 112.272.489 (một trăm mười hai triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi chín) đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm nộp án phí 40.005.867 (bốn mươi triệu không trăm lẻ năm ngàn tám trăm sáu mươi bảy) đồng theo biên lai thu số 03298 ngày 26/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố HCM, Công ty Cổ phần Hồng T còn phải nộp 72.266.622 (bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi hai) đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng công ty K. V.N– Công ty Cổ phần không phải chịu án phí nên được hoàn lại 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai đã nộp số AD/2014/0008962 Ngày 29/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố HCM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H.Nhà Bè;
- Chi cục THADS H. Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Thu Chinh **Hà Thanh Thủy** **Nguyễn Thị Trinh**